

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ tỉnh Hà Giang

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo Điều tra, đánh giá khoáng sản khoáng sản chì, kẽm, vàng và khoáng sản đi cùng (thiếc, wolfram) khu vực Xín Mần - Quang Bình - Bắc Hà, thuộc tỉnh Hà Giang và Lào Cai", do tổ chức, cá nhân góp vốn điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang tại Công văn số 4135/UBND-KTTH ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc phê duyệt khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ gồm 01 khu vực tại tỉnh Hà Giang (có tọa độ khu vực khoáng sản và bản đồ kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổ chức hướng dẫn, theo dõi quá trình thực hiện, định kỳ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang có trách nhiệm:

1. Căn cứ khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ được công bố kèm theo Quyết định này để bổ sung, điều chỉnh quy hoạch khoáng sản và phối hợp thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản. Việc cấp giấy phép khai thác chỉ thực hiện sau khi có trữ lượng, dự án đầu tư và thiết kế cơ sở khai thác đối với phần khoáng sản trên địa bàn tỉnh được phê duyệt theo quy định.

2. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, năng lực chủ dự án, cân nhắc lợi ích kinh tế tổng thể giữa khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường, tác động đến dân sinh để quyết định cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định.

3. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp phép hoạt động khoáng sản phải đảm bảo có đủ nguồn lực về vốn, công nghệ, thiết bị để khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường; tổ chức thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường sau khai thác theo quy định; quản lý, giám sát tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện các biện pháp kỹ thuật để quản lý chất thải rắn, lỏng, khí khi thải ra môi trường phải tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam.

4. Việc cấp phép hoạt động khoáng sản phải đảm bảo không thuộc khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 28 Luật Khoáng sản; không thuộc khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng tự nhiên.

5. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác; hoạt động khai thác khoáng sản và công tác bảo vệ môi trường tại khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.


Chánh Văn phòng Bộ, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND tỉnh Hà Giang;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Lưu: VT, ĐCKS.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



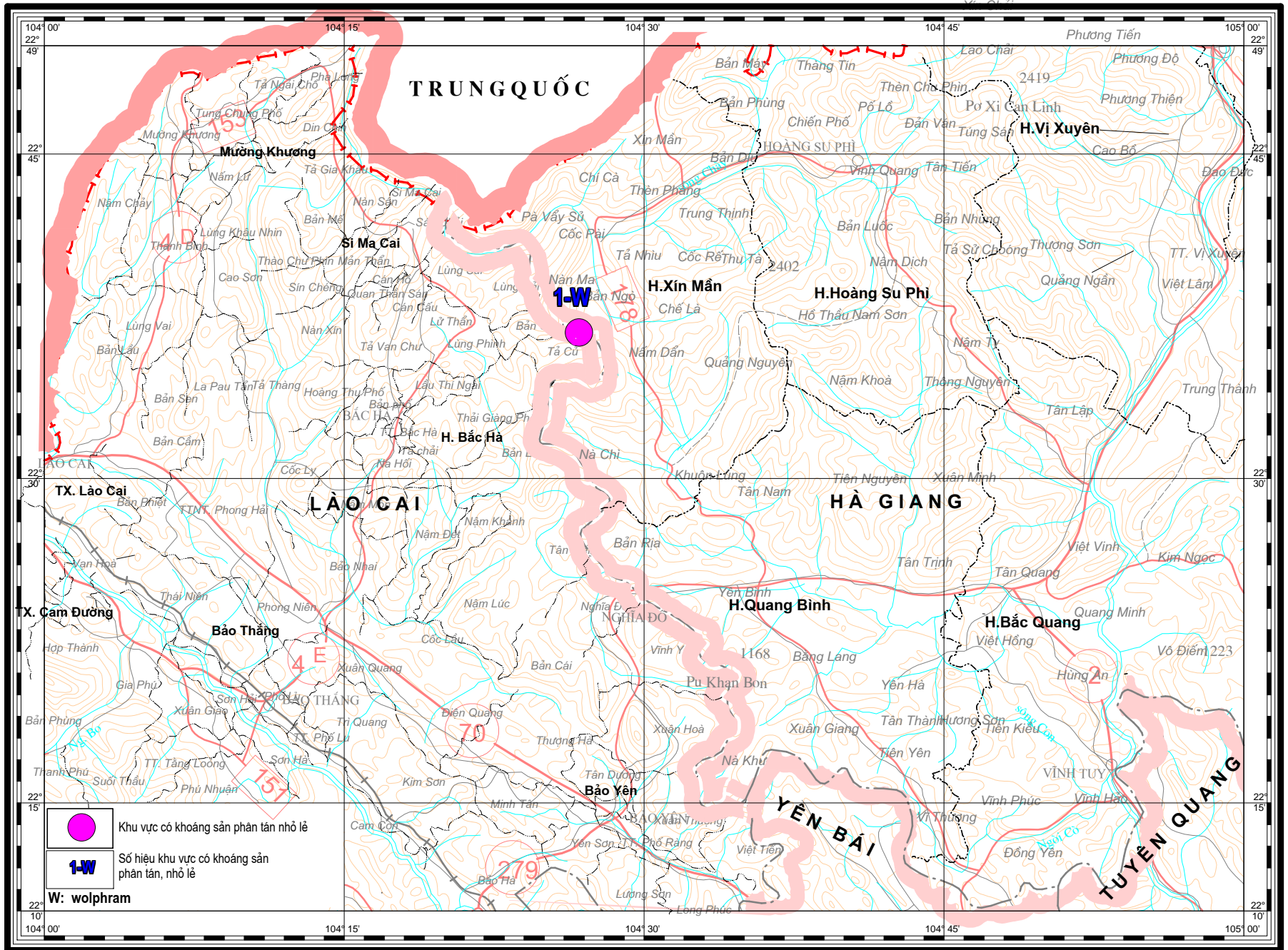
Trần Quý Kiên

KHU VỰC KHOÁNG SẢN PHÂN TÁN, NHỎ LẺ TỈNH HÀ GIANG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2020)

TT	Ký hiệu KS	Tên KS	Tên khu vực KSNL	Ký hiệu trên BĐ	Xã	Huyện	Tọa độ VN2000 (KTT 105°, múi chiều 6°)		Diện tích (ha)	Ghi chú
							X(m)	Y(m)		
KHU VỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG BỐ CÓ KHOÁNG SẢN PHÂN TÁN, NHỎ LẺ									3,98	
1	W	Quặng wolfram	Thôn Nậm Pàng	1	Bản Ngò	Xín Mần	2500363	442717	3,98	Tỉnh đề nghị phù hợp tài liệu địa chất
							2500382	442838		
							2500102	442787		
							2500121	442768		
							2500144	442716		
							2500158	442680		
							2500110	442694		
							2500061	442718		
							2500034	442729		
							2499979	442762		
							2499976	442682		
							2499970	442651		
							2500163	442668		

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ CÁC KHU VỰC CÓ KHOÁNG SẢN PHÂN TÁN NHỎ LẺ



TỶ LỆ 1:350.000
3.5 0 3.5 7 10.5 14 17.5km
1cm trên bản đồ bằng 3.5km ngoài thực tế